

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 223/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H chung sống như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết

hôn do bận làm việc và không hiểu biết pháp luật. Trước khi chung sống với nhau như vợ chồng, chị Trần Thị Mỹ D cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; anh Nguyễn Minh H cư trú tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H cư trú tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Sau một thời gian, anh Nguyễn Minh H và chị Trần Thị Mỹ D chuyển về sống tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Chị Trần Thị Mỹ D xác định, ngoài hai địa chỉ này thì chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H không còn cư trú tại địa chỉ nào khác.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Đến khoảng năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh Nguyễn Minh H không quan tâm gia đình, không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với vợ con. Chị Trần Thị Mỹ D đã cho anh Nguyễn Minh H nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh Nguyễn Minh H không thay đổi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình cũng có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H nhưng không thành. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/9/2008. Hiện nay, con chung đang sống với chị Trần Thị Mỹ D. Khi ly hôn, chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp hiện tại của chị Trần Thị Mỹ D là đan vỏ với mức lương 60.000 đồng/ngày nên đủ để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh của con chung.

Anh Nguyễn Minh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Trần Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan hệ hôn nhân, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh H. Về con chung, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/9/2008; hiện nay, con chung đang sống với chị Trần Thị Mỹ D; không yêu cầu anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Minh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không công nhận chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H là vợ chồng. Về con chung, chị Trần Thị Mỹ D được tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/9/2008; anh Nguyễn Minh H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Đơn khởi kiện, Giấy khai sinh của con chung, anh Nguyễn Minh H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 11/6/2024, anh Nguyễn Minh H có cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn, khi đi không có trình báo chính quyền địa phương nên địa phương không xác định được anh Nguyễn Minh H đi đâu và thời gian trở về. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định nơi cư trú của anh Nguyễn Minh H tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Chị Trần Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh H, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Minh H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Đồng thời, tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ D về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Mỹ D cho rằng, chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H chung sống như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết

hôn. Đồng thời, căn cứ Công văn số 322/UBND-HT ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã T và Công văn số 57/ UBND-HT ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã K (nơi chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H có cư trú) thể hiện không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H. Do đó, lời trình bày của chị Trần Thị Mỹ D về việc chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H đã chung sống như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H chung sống như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H là vợ chồng.

[2.2] Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/9/2008 của chị Trần Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Mỹ D xác định chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/9/2008, hiện nay đang sống với chị Trần Thị Mỹ D. Khi ly hôn, chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh Hải ly h phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Trần Thị Mỹ D, từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung sinh sống với chị Trần Thị Mỹ D cho đến nay, quá trình sinh sống với chị Trần Thị Mỹ D, cháu Nguyễn Thị Thùy T được chị Trần Thị Mỹ D quan tâm, chăm sóc nên vẫn sinh sống và phát triển bình thường. Hiện nay, chị Trần Thị Mỹ D có điều kiện để chăm sóc tốt cho con chung. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Thùy T có nguyện vọng được sống với chị Trần Thị Mỹ D. Để ổn định cuộc sống cho cháu Nguyễn Thị Thùy T, giúp cháu Nguyễn Thị Thùy T phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh Hải ly h phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Mỹ D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh

Hải ly h nên anh Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Trần Thị Mỹ D không yêu cầu anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh H là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Chị Trần Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/9/2008. Hiện nay đang sống với chị Trần Thị Mỹ D.

Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Mỹ D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0015398 ngày 22/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang